TỜ KHAI GỬI HÀNG
SHIPPER'S LETTER OF INSTRUCTION

Người gửi (Shipper): .....

Địa chỉ (address): .....

.....Email : .....

Số ĐT (Tel):.....Fax:.....

MST (VAT code): .....

Đơn vị cung cấp dịch vụ (Agent): .....

.....

Địa chỉ (address): .....

.....Email : .....

Số ĐT (Tel):.....Fax:.....

MST (VAT code): .....

Người nhận (Consignee): .....

Địa chỉ (address): .....

.....Email:.....

Số ĐT (Tel): .....Fax:.....

Thông báo cho (Notify):.....

.....

Số không vận đơn chính/phụ (MAWB/HAWB):

.....

.....

.....

.....

.....

Chúng tôi xác nhận khai báo đúng theo tính chất thực tế của hàng hóa. Nếu như có hàng nguy hiểm sẽ được khai báo đúng theo qui định và thể lệ vận chuyển hàng hoá nguy hiểm của IATA. Tờ khai gửi hàng này không có giá trị thay thế tờ khai hàng hóa hàng nguy hiểm.

We certify that the content of this consignment is properly identified by name. Insofar as any part of the consignment contains dangerous goods, such part is in proper condition for carriage by air according to IATA´s Dangerous Goods Regulation. This does not replace the Shipper's Declaration for Dangerous Goods.

Hình thức thanh toán (Terms of payment)

☐ Tiền mặt (Cash)

☐ Chuyển khoản (Bank transfer)

☐ Khác (Others) .....

Nơi đi (AOO):

Nơi đến (AOD):

Tổng số vận đơn phụ: (Total of HAWB)	Chuyến bay/Ngày: (Flight/ Date)

Số kiện (Total Pieces)	Loại hàng (Description of goods)	Trọng lượng Gross weight (kg)	Trọng lượng tính cước Chargeable weight (kg)

Kích thước (dài x rộng x cao) / Dimensions (L x W x H):

....

....

....

....

....

....

Hướng dẫn phục vụ (Handling Information and remarks) / * Đánh dấu (✓) vào ô thích hợp (Tick (✓) where applicable)

☐ Hàng chuyển nhanh (Express cargo) ☐ Động vật sống (Live animals) ☐ Hàng giá trị (Valuable cargo)

☐ Hàng nguy hiểm (Dangerous Goods) ☐ Hàng dễ hư hỏng (Perishable cargo) ☐ Hàng dễ mất (Vulnerable Cargo)

☐ Yêu cầu khác (Others) : .....

Mã hàng đặc biệt (Special Handling Codes):	Yêu cầu nhiệt độ lưu kho (Storage Temperature) Từ (from): .....°C đến (to): ..... °C
Nhân viên tiếp nhận: (Acceptance officer's signature) Ngày/giờ (Date/ Time):	Người gửi: (Shipper's signature) Ngày/giờ (Date/ Time):

Chú ý (notes):

1. Dán nhãn hàng vào mặt sau các liên của tờ khai. Please affix the cargo labels on the back side of all copies.
2. Quá trình tiếp nhận hàng hóa chỉ kết thúc khi lô hàng hoàn tất kiểm tra an ninh hàng không. The cargo acceptance process is only finished as the whole shipment has security-checked successfully.

SỐ THỨ TỰ (Serial Number): 0000000

GIAO (DISTRIBUTION)

- **Bản 01 (màu trắng): Quầy xuất không vận đơn.** 01st copy (white) – Airwaybill issuing counter.
- **Bản 02(màu vàng): Kho xuất.** 02nd copy (Yellow) - Export Docs
- **Bản 03 (màu hồng): Thu ngân.** 03rd copy (Pink) – Cashier.
- **Bản 04 (màu xanh): Người gửi hàng.** 04th copy (Blue) - Shipper.

F01.EXP01
Rev:02
Ban hành: 01/2017